

HƯỚNG DẪN

Về tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
để thực hiện sắp xếp, giải quyết chính sách, chế độ và thực hiện một số
nội dung theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024
của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Công văn số 31/CV-BCĐTKNQ18 ngày 04/01/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố, UBND thành phố hướng dẫn tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (sau đây viết tắt là CBCCVC và NLĐ) tại các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Việc ban hành tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá CBCCVC và NLĐ là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố tổ chức thực hiện thống nhất và xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình và thực tiễn của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xem xét, quyết định đối tượng phải nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bảo đảm khoa học, công bằng, khách quan, hợp lý, nhân văn; đảm bảo phù hợp với lộ trình mục tiêu tinh giản biên chế; đồng thời lựa chọn CBCCVC và NLĐ có năng lực nổi trội để có chính sách trọng dụng phù hợp với cơ cấu tổ chức mới.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện nghiêm túc và đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Việc xây dựng tiêu chí đánh giá phải bám sát các tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Hướng dẫn này.

c) Làm tốt công tác tuyên truyền, công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong đội ngũ CBCCVC và NLĐ khi thực hiện việc sắp xếp; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; quan tâm, giải quyết kịp thời chế độ, chính sách đối với CBCCVC và NLĐ sau sắp xếp theo quy định.

d) Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với CBCCVC và NLĐ theo quy định của Chính phủ và của thành phố.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; vai trò của tập thể lãnh đạo, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng CBCCVC và NLĐ và sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị sau sắp xếp theo đúng quy định. Giảm tối thiểu 20% công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong vòng 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành để giảm biên chế theo phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của thành phố và lộ trình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao.

4. Bảo đảm chi trả chính sách, chế độ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước.

5. Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể CBCCVC và NLĐ công tâm, khách quan trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của CBCCVC và NLĐ; trên cơ sở đó thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với CBCCVC và NLĐ.

6. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý để cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

7. Việc thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ; không xem xét giải quyết đối với CBCCVC và NLĐ có năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác; động viên, khuyến khích CBCCVC và NLĐ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt tiếp tục công tác.

8. Việc giải quyết chế độ, chính sách phải thực hiện thận trọng, chặt chẽ không vì chế độ, chính sách cao mà giải quyết theo nguyện vọng cá nhân; hạn chế việc giải quyết đồng loạt cùng một thời điểm, đặc biệt khi chưa có phương án nhân sự thay thế; phải có lộ trình và kế hoạch giải quyết tinh giản biên chế phù hợp.

9. Trường hợp CBCCVC và NLĐ đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

IV. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN SẮP XẾP VÀ GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ

Tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện rà soát, đánh giá đối với tất cả CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất theo các tiêu chí sau (riêng đối với chức danh Ban Thường vụ Thành ủy quản lý do Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền):

1. Tiêu chí đánh giá về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

a) Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC và NLĐ 03 năm gần nhất, thực hiện việc rà soát, đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý về các nội dung sau:

- Về phẩm chất đạo đức;
- Về tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ;
- Về tinh thần phối hợp với cơ quan, đơn vị và đồng nghiệp và các cá nhân có liên quan trong công tác;

- Về ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

b) Xem xét thực hiện tinh giản đối với CBCCVC và NLĐ có một trong các hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của CBCCVC và NLĐ đã được cấp có thẩm quyền kết luận như sau:

- Vi phạm kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân;
- Có hành vi những nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ; lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi;
- Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ;
- Vi phạm một trong 10 biểu hiện theo Chỉ thị số 34-CT/TU ngày 27/10/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Tiêu chí đánh giá về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất

a) Rà soát, đánh giá CBCCVC và NLĐ về các nội dung sau:

- Về trình độ đào tạo, chuyên môn đào tạo phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp;
- Về sức khỏe để công tác;
- Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động 03 năm gần nhất (rà soát các hình thức khen thưởng và kỷ luật, nếu có).

b) Xem xét thực hiện tinh giản đối với CBCCVC và NLĐ chưa đáp ứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất hoặc không đảm bảo về sức khỏe để đáp ứng yêu cầu, tiến độ, thời gian, chất lượng công việc thường xuyên và đột xuất trong thời gian qua và thời gian tới (nghỉ đau, ốm nhận chi trả của BHXH hoặc suy giảm lao động hoặc bị đau ốm khó có thể hồi phục để tiếp tục làm việc được cơ quan cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận).

3. Tiêu chí đánh giá về kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã đạt được

a) Trên cơ sở vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm dự kiến bố trí trong thời gian tới, thực hiện rà soát, đánh giá CBCCVC và NLĐ về các nội dung sau:

** Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý:*

Năng lực chỉ đạo, điều hành thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; trong xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách.

** Đối với CCVC không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và người lao động:*

Năng lực hoàn thành các nhiệm vụ được giao và khả năng tham mưu các văn bản hoặc sản phẩm công việc bình quân hằng năm đối với vị trí công việc được giao.

** Tùy đặc thù ngành nghề, vị trí việc làm mà CBCCVC và NLĐ (kể cả vị trí lãnh đạo, quản lý) đảm nhận, đánh giá thêm các nội dung sau đây :*

- Về khả năng chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng đề án, phương án, chương trình, kế hoạch, quyết định, quy định, quy chế trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

- Về khả năng chủ trì hoặc tham gia sáng kiến cấp cơ sở trở lên hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nghiệm thu;

- Về khả năng chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình chuyên môn; xây dựng đề cương thiết kế trung bày, dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực; hoặc tổ chức, xây dựng kịch bản, dàn dựng, chỉ huy biểu diễn các tác phẩm, chương trình, hoạt động, sự kiện có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, v.v...

- Về khả năng chủ trì hoặc tham gia các sản phẩm khác do cơ quan trực tiếp sử dụng CBCCVC và NLĐ xem xét, quyết định.

b) Xem xét thực hiện tình giãn đối với CBCCVC và NLĐ chưa đáp ứng kết quả, sản phẩm công việc gắn với vị trí việc làm mà CBCCVC và NLĐ được giao hoặc được phân công.

4. Tiêu chí đánh giá CBCCVC và NLĐ là người có phẩm chất, năng lực nổi trội

CBCCVC và NLĐ được đánh giá là người có phẩm chất, năng lực nổi trội phải đáp ứng đồng thời cả 02 điều kiện sau:

a) Phải được đánh giá ít nhất 85/100 điểm của 03 tiêu chí:

- Về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

- Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất;

- Có kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã đạt được.

b) Phải đảm bảo tiêu chí đánh giá về đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và có thành tích tiêu biểu, nổi trội, mang lại lợi ích cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cụ thể có một trong các tiêu chí sau:

- Có ít nhất 01 năm trở lên trong 03 năm gần nhất được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Đã xây dựng Kế hoạch đề xuất đổi mới, sáng tạo và báo cáo cơ quan, đơn vị xem xét, phê duyệt trong thời gian 03 năm gần nhất;

- Có sáng kiến được công nhận cấp thành phố trở lên thời gian 03 năm gần nhất;

- Có tinh thần, thái độ phục vụ, hành động tích cực, tạo sự lan tỏa, uy tín đối với người dân, doanh nghiệp và cộng đồng và được biểu dương, khen thưởng;

- Có các sản phẩm, kết quả công tác cụ thể nổi bật, xuất sắc trong vị trí việc làm (do cơ quan sử dụng CBCCVC xem xét hàng năm), đóng góp vào sự thành công của cơ quan, đơn vị, tổ chức nói riêng và thành phố nói chung.

V. ĐÁNH GIÁ RÀ SOÁT TỔNG THỂ CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ CBCCVC VÀ NLĐ

1. Đánh giá rà soát tổng thể các tiêu chí để xem xét giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc

a) Về thang điểm đánh giá

Tiêu chí để xem xét giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc thực hiện theo tiêu chí 1, 2, 3 Mục IV, trong đó chú trọng đánh giá năng lực chuyên môn, kết quả, sản phẩm công việc được giao của CBCCVC&NLĐ và được tính theo thang điểm 100 điểm, trong đó:

+ Tiêu chí đánh giá về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ (20/100 điểm).

+ Tiêu chí đánh giá về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất (50/100 điểm).

+ Tiêu chí đánh giá về kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã đạt được (30/100 điểm).

b) Tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu từng cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát tổng thể các tiêu chí 1, 2, 3 Mục IV để xem xét quyết định đối tượng thuộc diện nghỉ theo thứ tự như sau:

- CBCCVC và NLĐ có tổng số điểm theo các tiêu chí dưới 50 điểm.

- CBCCVC và NLĐ đủ điều kiện áp dụng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy để cơ quan, đơn vị bố trí cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- CBCCVC và NLĐ tổng điểm thấp nhất trong thời gian 03 năm gần nhất tính từ dưới lên đến khi hết số lượng phải tinh giản hàng năm.

- Trường hợp chưa xác định được đối tượng giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì phải đề xuất, lựa chọn, đánh giá trên cơ sở đánh giá CBCCVC và NLĐ theo 03 tiêu chí nêu trên để báo cáo tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức xem xét, quyết định số lượng cần tinh giản đảm bảo theo quy định.

(Kèm theo Phụ lục I và II Biểu mẫu tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp và giải quyết chính sách, chế độ)

c) Các trường hợp chưa xem xét giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP cụ thể:

- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 178/2024/NĐ-CP là nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện nghỉ việc.

- Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

2. Đánh giá CBCCVC và NLĐ để được hưởng chính sách trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội

a) Đối với trường hợp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại khoản 4 Mục IV thì tiếp tục giữ lại phát huy năng lực sở trường công tác, có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn quy hoạch lãnh đạo quản lý, bổ nhiệm phù hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật.

b) Không giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đối với các CBCCVC và NLĐ được đánh giá là người có phẩm chất, năng lực nổi trội tại khoản 4 Mục IV.

c) CBCCVC và NLĐ có phẩm chất, năng lực nổi trội thì được hưởng các chính sách quy định tại Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

VI. QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Căn cứ văn bản hướng dẫn của UBND thành phố ban hành tiêu chí đánh giá CBCCVC và NLĐ, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá và tiến hành rà soát tổng thể chất lượng CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý; trên cơ sở đó, xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP để sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

2. Trên cơ sở tiêu chí đã ban hành, tập thể cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện rà soát tổng thể chất lượng CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý theo trình tự, thủ tục sau:

a) Bước 1: CBCCVC và NLĐ làm báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí đánh giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trong báo cáo đánh giá phải tự xác định thuộc đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp; đối tượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo vị trí việc làm (theo Phụ lục I). Trường hợp có nguyện vọng thì có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc (theo Phụ lục III);

b) Bước 2: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng CBCCVC và NLĐ nhận xét, đánh giá;

c) Bước 3: Lấy ý kiến của cấp ủy, tập thể lãnh đạo cùng cấp về đánh giá CBCCVC và NLĐ;

d) Bước 4: Xem xét, quyết định đánh giá;

- Bộ phận tham mưu về công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đánh giá tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá, đề xuất đánh giá đối với CBCCVC và NLĐ.

- Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đánh giá đối với CBCCVC và NLĐ: Thực hiện theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi bổ sung Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ); Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND thành phố.

đ) Bước 5: Trao đổi với CBCCVC và NLĐ về kết quả đánh giá (nếu cần thiết) và cấp có thẩm quyền đánh giá CBCCVC và NLĐ thông báo bằng văn bản cho CBCCVC và NLĐ và thông báo công khai về kết quả đánh giá.

Đối với các cơ quan, đơn vị do sắp xếp tổ chức bộ máy: do việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở 03 năm gần nhất, do vậy trong quá trình đánh giá CBCCVC và NLĐ, nếu cần thiết có thể bổ sung các thành phần có liên quan để tham khảo ý kiến trước khi quyết định kết quả đánh giá.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo phân cấp quản lý cán bộ và đánh giá CBCCVC và NLĐ

a) Thực hiện xây dựng và ban hành tiêu chí đánh giá một cách cụ thể, phù hợp với đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và tổ chức thực hiện đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định, gửi về Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra. Trường hợp đơn vị không bổ sung tiêu chí thì sử dụng tiêu chí này để đánh giá CBCCVC và NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

b) Chịu trách nhiệm xác định và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo lộ trình quy định, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và NLĐ, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao.

c) Lập danh sách đối tượng phải nghỉ việc và các trường hợp tự nguyện có đơn xin nghỉ việc được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP do sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy (theo Phụ lục IV và Phụ lục V đính kèm); xây dựng lộ trình kế hoạch tinh giản trong 05 năm theo phân cấp quản lý.

d) Trường hợp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức, đơn vị, nếu CBCCVC và NLĐ đủ điều kiện áp dụng quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc, thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; nếu không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì kịp thời thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho CBCCVC và NLĐ theo đúng quy định của pháp luật.

e) Lập danh sách CBCCVC và NLĐ có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

g) Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách, chế độ (bao gồm số đối tượng và số tiền trợ cấp cho từng đối tượng), dự kiến kế hoạch thực hiện chính sách, chế độ năm sau liền kề, chỉ đạo bộ phận tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định danh sách đối tượng được nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP để báo cáo UBND thành phố phê duyệt danh sách, trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc

theo thẩm quyền phân cấp quản lý CBCCVC và NLĐ và thực hiện chính sách, chế độ đối với CBCCVC và NLĐ được nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ việc theo đúng quy định.

b) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Giao Sở Nội vụ trên cơ sở văn bản này, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quy trình cụ thể, thủ tục thực hiện nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo quy định.

d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về giải quyết chính sách, chế độ tại các cơ quan, đơn vị.

đ) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội và cơ quan liên quan giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với các đối tượng được hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

e) Hằng năm, phối hợp với Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về danh sách và kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với CBCCVC và NLĐ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định.

c) Tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

d) Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội tính toán khoản kinh phí ngân sách nhà nước phải bảo đảm tương đương với số tiền đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm hưu trí và tử tuất quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

VIII. ĐỀ NGHỊ BAN TỔ CHỨC THÀNH ỦY

1. Thẩm định danh sách đối tượng được nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP để báo cáo Thường trực Thành ủy và Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ, trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo thẩm quyền phân cấp quản lý CBCCVC và NLĐ và thực hiện chính sách, chế độ đối với CBCCVC và NLĐ được nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ việc theo đúng quy định.

2. Phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với

các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy về quy trình, thủ tục thực hiện nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo quy định.

4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về giải quyết chính sách, chế độ tại các cơ quan, đơn vị.

5. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội và cơ quan liên quan giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với các đối tượng được hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

6. Hằng năm, phối hợp với Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về danh sách và kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Trên đây là Hướng dẫn tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để thực hiện sắp xếp, giải quyết chính sách, chế độ và thực hiện một số nội dung theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện Hướng dẫn này, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Thành ủy để theo dõi, báo cáo chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- TT HĐND thành phố (để b/c);
- Đảng ủy UBND thành phố (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND TP;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND quận, huyện;
- UBND phường, xã;
- Lưu: VT, SNV.

LSU

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trung Chinh

Phụ lục I
BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ
NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN SẮP XẾP VÀ GIẢI QUYẾT
CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TRONG THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY
(Dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự đánh giá)
(Kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên người được đánh giá:.....

Ngày/tháng/năm sinh:

Thời điểm nghỉ hưu theo quy định Nghị định số 135/2020/NĐ-CP (đối với trường hợp còn 10 năm công tác so với thời điểm nghỉ hưu): Ghi tháng/ năm.....

Vị trí, chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ đảng: Hệ số phụ cấp (nếu có):.....

- Chức vụ chính quyền:..... Hệ số phụ cấp (nếu có):.....

Cơ quan, đơn vị công tác:.....

Ngạch/Chức danh, bậc lương hiện hưởng: Ngạch/Chức danh.....Bậc...

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
I	Về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	20		Trong trường hợp thời gian công tác 03 năm gần nhất bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật bằng văn bản (kể cả xử lý kỷ luật đảng và chính quyền) do có hành vi vi phạm theo nội dung tại điểm b khoản 1 Mục IV của Hướng

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
				dẫn thì ghi rõ hình thức kỷ luật, lý do bị kỷ luật, thời gian, văn bản xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền tại Phần Bổ sung ở cuối Phụ lục này; đồng thời tính điểm của Phần này là 0 điểm.
1	Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của cơ quan, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp	5		
2	Có tinh thần chủ động, sáng tạo; có khả năng tự giải quyết vấn đề; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.	5		
3	Tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đồng nghiệp và các cá nhân có liên quan trong công việc; sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm để cải thiện công việc chung, tạo không khí làm việc thân thiện, đoàn kết	5		
4	Thực hiện đầy đủ các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; luôn tự giám sát và kiên quyết xử lý vi phạm kỷ luật theo đúng quy định	5		

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
II	Về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất	50		
1	Về trình độ, chuyên môn đào tạo	12		
<i>a</i>	<i>Trình độ, chuyên môn đào tạo phù hợp và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp</i>	<i>12</i>		
<i>b</i>	<i>Trình độ, chuyên môn đào tạo phù hợp, tuy nhiên cần phải bồi dưỡng nghiệp vụ bổ sung để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp</i>	<i>8</i>		<i>Ghi rõ lý do tại Phần Bổ sung ở cuối Phụ lục này (nếu có)</i>
<i>c</i>	<i>Trình độ, chuyên môn đào tạo chưa phù hợp, cần phải đào tạo bổ sung</i>	<i>4</i>		
2	Về sức khỏe để công tác	8		
<i>a</i>	<i>Sức khỏe để công tác đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp</i>	<i>8</i>		
<i>b</i>	<i>Sức khỏe để công tác chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp nhưng có thể hồi phục để tiếp tục làm việc được cơ quan cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận</i>	<i>4</i>		<i>Ghi rõ lý do kèm hồ sơ minh chứng tại Phần Bổ sung ở cuối Phụ lục này (nếu có)</i>
<i>c</i>	<i>Sức khỏe để công tác không đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp và không thể hồi phục để tiếp tục làm việc được cơ quan cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận</i>	<i>0</i>		

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
3	Về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động trong thời gian 03 năm gần nhất	30		Tính tổng điểm tương ứng với kết quả xếp loại chất lượng, cụ thể: - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10 điểm/năm - Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 08 điểm/năm - Hoàn thành nhiệm vụ: 05 điểm/năm - Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa đủ thời gian công tác thì số điểm của năm công tác còn thiếu được tính bằng số điểm của năm công tác gần nhất.
III	Về kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã đạt được	30		
1	Về kết quả, sản phẩm công việc	15		- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý đánh giá nội dung tại điểm 1.1; - Công chức, viên chức, người lao động không giữ

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
				chức vụ lãnh đạo, quản lý đánh giá nội dung tại điểm 1.2.
1.1	Về năng lực chỉ đạo, điều hành thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; trong xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách	15		Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (trong thời gian 03 năm gần nhất)
a	Rất tốt (Luôn luôn hoàn thành và vượt tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phức tạp, đột xuất)	13 - 15		
b	Tốt (Hoàn thành đúng tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ ít phức tạp, đột xuất)	7 - 12		
c	Trung bình (Hoàn thành chậm tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ đơn giản)	1 - 6		
d	Không đáp ứng	0		
1.2	Về năng lực hoàn thành các nhiệm vụ được giao và khả năng tham mưu các văn bản hoặc sản phẩm công việc bình quân hàng năm đối với vị trí công việc được giao	15		Áp dụng đối với công chức, viên chức, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (trong thời gian 03 năm gần nhất)
a	Rất tốt (Luôn luôn hoàn thành và vượt tiến độ đối với nhiệm vụ được giao,	13 - 15		

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
	<i>thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phức tạp, đột xuất)</i>			
<i>b</i>	<i>Tốt (Hoàn thành đúng tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ ít phức tạp, đột xuất)</i>	7 - 12		
<i>c</i>	<i>Trung bình (Hoàn thành chậm tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ đơn giản)</i>	1 - 6		
<i>d</i>	<i>Không đáp ứng</i>	0		
2	Về đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và có thành tích tiêu biểu, nổi trội, mang lại lợi ích cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (trong thời gian 03 năm gần nhất)	15		
<i>a</i>	<i>Có sản phẩm, giải pháp đột phá, sáng tạo, đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được cấp thành phố, cấp sở, cấp huyện công nhận</i>	15		Ghi rõ một số sản phẩm, giải pháp tại Phần Bỏ sung ở cuối Phụ lục này (nếu có).
<i>b</i>	<i>Có sản phẩm, giải pháp đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến kết quả thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị nơi công tác công nhận (không phải cấp thành phố, cấp sở, quận, huyện)</i>	10		Các sản phẩm, giải pháp bao gồm: đề án, phương án, chương trình, kế hoạch, quyết định, quy định, quy chế trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, sáng kiến cấp cơ sở trở lên hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu; tài liệu, giáo

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do cá nhân tự đánh giá	
				trình chuyên môn; đề cương thiết kế trung bày, dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực; kịch bản, dàn dựng, chỉ huy biểu diễn các tác phẩm, chương trình, hoạt động, sự kiện có giá trị tư tưởng và nghệ thuật...)
	TỔNG ĐIỂM	100		

C. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH (Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự xác định thuộc đối tượng phải nghỉ việc, nghỉ hưu trước tuổi do sắp xếp hoặc đối tượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo vị trí việc làm)

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN NỘI DUNG CẦN BỔ SUNG (nếu có)

1. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

4. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

nguồn

Phụ lục II
BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ
NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN SẮP XẾP VÀ GIẢI QUYẾT
CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TRONG THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY
(Dành cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức,
người lao động đánh giá)

(Kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ

Họ và tên người được đánh giá:.....

Ngày/tháng/năm sinh:

Thời điểm nghỉ hưu theo quy định Nghị định số 135/2020/NĐ-CP (đối với trường hợp còn 10 năm công tác so với thời điểm nghỉ hưu): Ghi tháng/ năm.....

Vị trí, chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ đảng: Hệ số phụ cấp (nếu có):.....

- Chức vụ chính quyền:..... Hệ số phụ cấp (nếu có):.....

Cơ quan, đơn vị công tác:.....

Ngạch/Chức danh, bậc lương hiện hưởng: Ngạch/Chức danh.....Bậc...

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
I	Về phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	20		Trong trường hợp thời gian công tác 03 năm gần nhất bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật bằng văn bản (kể cả xử lý kỷ luật đảng và chính quyền) do có hành vi vi phạm theo nội dung tại điểm b khoản 1 Mục IV

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
				của Hướng dẫn thi ghi rõ hình thức kỷ luật, lý do bị kỷ luật, thời gian, văn bản xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền tại Phần Bổ sung ở cuối Phụ lục này; đồng thời tính điểm của Phần này là 0 điểm .
1	Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định, quy chế của cơ quan, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp	5		
2	Có tinh thần chủ động, sáng tạo; có khả năng tự giải quyết vấn đề; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên.	5		
3	Tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị, đồng nghiệp và các cá nhân có liên quan trong công việc; sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm để cải thiện công việc chung, tạo không khí làm việc thân thiện, đoàn kết	5		
4	Thực hiện đầy đủ các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; luôn tự giám sát và kiên quyết xử lý vi phạm kỷ luật theo đúng quy định	5		

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
II	Về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ, thời gian, chất lượng thực thi nhiệm vụ, công vụ thường xuyên và đột xuất	50		
1	Về trình độ, chuyên môn đào tạo	12		
<i>a</i>	<i>Trình độ, chuyên môn đào tạo phù hợp và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp</i>	<i>12</i>		
<i>b</i>	<i>Trình độ, chuyên môn đào tạo phù hợp, tuy nhiên cần phải bồi dưỡng nghiệp vụ bổ sung để đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp</i>	<i>8</i>		<i>Ghi rõ lý do tại Phần Bổ sung ở cuối Phụ lục này (nếu có)</i>
<i>c</i>	<i>Trình độ, chuyên môn đào tạo chưa phù hợp, cần phải đào tạo bổ sung</i>	<i>4</i>		
2	Về sức khỏe để công tác	8		
<i>a</i>	<i>Sức khỏe để công tác đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp</i>	<i>8</i>		
<i>b</i>	<i>Sức khỏe để công tác chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp nhưng có thể hồi phục để tiếp tục làm việc được cơ quan cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận</i>	<i>4</i>		<i>Căn cứ hồ sơ minh chứng do cá nhân cung cấp để chấm điểm và ghi rõ lý do tại Phần Bổ sung ở cuối Phụ lục này (nếu có)</i>
<i>c</i>	<i>Sức khỏe để công tác không đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm đang đảm nhận hoặc vị trí việc làm sau sắp xếp và không thể hồi phục để tiếp tục làm việc được cơ quan cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận</i>	<i>0</i>		

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
3	Về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động trong thời gian 03 năm gần nhất	30		Tính tổng điểm tương ứng với kết quả xếp loại chất lượng, cụ thể: - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 10 điểm/năm - Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 08 điểm/năm - Hoàn thành nhiệm vụ: 05 điểm/năm - Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chưa đủ thời gian công tác thì số điểm của năm công tác còn thiếu được tính bằng số điểm của năm công tác gần nhất.
III	Về kết quả, sản phẩm công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã đạt được	30		
1	Về kết quả, sản phẩm công việc	15		- Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại điểm 1.1;

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
				- Đánh giá công chức, viên chức, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại điểm 1.2.
1.1	Về năng lực chỉ đạo, điều hành thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; trong xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách	15		Áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (trong thời gian 03 năm gần nhất)
a	<i>Rất tốt (Luôn luôn hoàn thành và vượt tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phức tạp, đột xuất)</i>	13 - 15		
b	<i>Tốt (Hoàn thành đúng tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ ít phức tạp, đột xuất)</i>	7 - 12		
c	<i>Trung bình (Hoàn thành chậm tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ đơn giản)</i>	1 - 6		
d	<i>Không đáp ứng</i>	0		
1.2	Về năng lực hoàn thành các nhiệm vụ được giao và khả năng tham mưu các văn bản hoặc sản phẩm công việc bình quân hàng năm đối với vị trí công việc được giao	15		Áp dụng đối với công chức, viên chức, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (trong thời gian 03 năm gần nhất)

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
a	Rất tốt (Luôn luôn hoàn thành và vượt tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phức tạp, đột xuất)	13 - 15		
b	Tốt (Hoàn thành đúng tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ ít phức tạp, đột xuất)	7 - 12		
c	Trung bình (Hoàn thành chậm tiến độ đối với nhiệm vụ được giao, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ đơn giản)	1 - 6		
d	Không đáp ứng	0		
2	Về đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung và có thành tích tiêu biểu, nổi trội, mang lại lợi ích cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (trong thời gian 03 năm gần nhất)	15		
a	Có sản phẩm, giải pháp đột phá, sáng tạo, đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được cấp thành phố, cấp sở, cấp huyện công nhận	15		Căn cứ các sản phẩm, giải pháp do cá nhân liệt kê tại Bản tự đánh giá để chấm điểm.
b	Có sản phẩm, giải pháp đem lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tác động tích cực đến kết quả thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị nơi công tác công nhận (không phải cấp thành phố, cấp sở, quận, huyện)	10		Các sản phẩm, giải pháp bao gồm: đề án, phương án, chương trình, kế hoạch, quyết định, quy định, quy chế trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, sáng kiến cấp cơ sở trở lên hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm

STT	Tiêu chí và nội dung đánh giá	Thang điểm		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm do đơn vị đánh giá	
				quyền ban hành hoặc nghiệm thu; tài liệu, giáo trình chuyên môn; đề cương thiết kế trung bày, dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực; kịch bản, dàn dựng, chỉ huy biểu diễn các tác phẩm, chương trình, hoạt động, sự kiện có giá trị tư tưởng
	TỔNG ĐIỂM	100		

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

1. Ý kiến đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng CBCCVC và NLĐ

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Ý kiến đánh giá của đảng ủy/chi ủy, tập thể lãnh đạo cùng cấp

a) Ý kiến đánh giá của đảng ủy/chi ủy cùng cấp

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN ĐẢNG ỦY, CHI ỦY

(Ký, ghi rõ họ tên)

b) Ý kiến đánh giá của tập thể lãnh đạo cùng cấp

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN TẬP THỂ LÃNH ĐẠO

(Ký, ghi rõ họ tên)

D. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH (đánh dấu X vào ô tương ứng):

1. ☐ Tiếp tục bố trí công tác
2. ☐ Tiếp tục bố trí công tác và hưởng chính sách trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội
3. ☐ Giải quyết nghỉ hưu trước tuổi
4. ☐ Giải quyết nghỉ thôi việc
5. ☐ Đề xuất khác (nếu có):

.....

Nêu rõ lý do đưa ra đề xuất về việc thực hiện chế độ, chính sách

.....

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

diemvtt-28/02/2025 09:39:35 diemvtt-diemvtt-diemvtt

PHẦN NỘI DUNG CẦN BỔ SUNG (nếu có)

1. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

4. Nội dung bổ sung tại điểm ... khoản ... Mục ... Phần B

.....

.....

.....

.....

.....

nguồn

Phụ lục III
MẪU ĐƠN TỰ NGUYỆN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI/ NGHỈ THÔI VIỆC
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN TỰ NGUYỆN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI/ NGHỈ THÔI VIỆC
THEO NGHỊ ĐỊNH 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

Kính gửi:

Tôi tên:

Sinh ngày:

Chức vụ, chức danh:

Cơ quan, đơn vị công tác:

Số sổ bảo hiểm xã hội:

Sau khi nghiên cứu Luật Bảo hiểm xã hội, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Tôi làm đơn này kính gửi xem xét, chấp thuận cho tôi được *nghỉ hưu trước tuổi (hoặc nghỉ thôi việc)* do sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Thời gian nghỉ: từ ngày tháng năm

Lý do:

Kính mong xem xét, chấp thuận cho tôi được nghỉ hưu trước tuổi (hoặc nghỉ thôi việc) theo nguyện vọng cá nhân./.

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

nguyễn

Mẫu Tổng hợp danh sách Cán bộ, Công chức, Viên chức, Người lao động nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc
Phụ lục IV
TRONG THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-UBND ngày 27/ 02/2025 của UBND thành phố)

Bản nam kê theo Hường dân số 02 /HD-UBND ngày 27/ 02/2025 của UBND thành phố)																							
TT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức/ CDNN viên chức	Tiền lương ngạch, bậc		Các khoản phụ cấp lương							Chính sách đề nghị giải quyết		Thời điểm nghỉ do thực hiện sắp xếp	Thời gian công tác đóng BHXH bắt buộc	Thông tin tính hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi			Thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc	Lý do thực hiện Chính sách
		Nam	Nữ			Hệ số lương	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp TNVK	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể CTXH	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc			Thời điểm nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 135/2020/ NĐ-CP	Số tháng nghỉ sớm tính hưởng chế độ trợ cấp hưu trí một lần	Số năm nghỉ hưu trước tuổi		
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	CƠ QUAN HÀNH CHÍNH																						
1.	Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện																						
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																						
	Đơn vị sự nghiệp A																						
1																							
2																							

ngheula

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 02 /HD-UBND ngày 27/ 02/2025 của UBND thành phố)

[illegible]

ngkhuul